

Số: 284/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 246/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Âu Thị N**, sinh năm 1995.

- Bị đơn: Anh **Nịnh Tiến Đ**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Âu Thị N** và anh **Nịnh Tiến Đ**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 27/3/2015 cho chị **Âu Thị N1** và anh **Nịnh Tiến Đ** không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Nịnh Thị L**, sinh ngày 05/8/2015; **Nịnh Văn T**, sinh ngày 21/01/2017 và **Nịnh Thị T1**, sinh ngày 10/10/2020 cho anh **Nịnh**

Tiến Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **Âu Thị N** có nghĩa vụ dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức định kỳ hàng tháng. Chị **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Âu Thị N** và anh Ninh Tiến Đ là cá nhân thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Ngọc